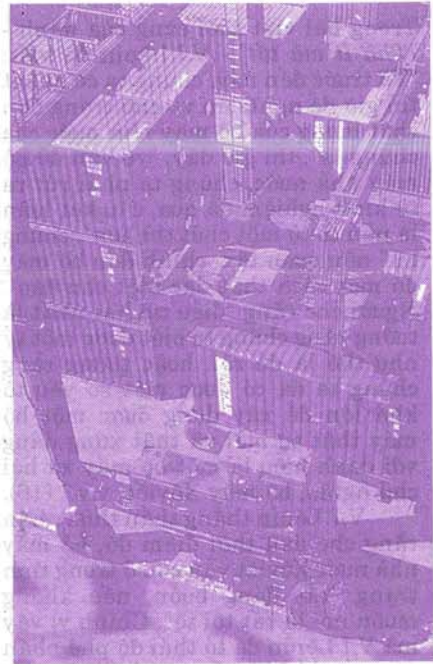


Chúng ta biết rằng phân công lao động xã hội là một trong những điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa. Phân công lao động xã hội là phân chia lao động xã hội thành các ngành nghề sản xuất khác nhau để tạo ra các sản phẩm có công dụng khác nhau. Với tư cách đó, phân công lao động xã hội cũng chính là quá trình tạo ra các giá trị sử dụng khác nhau, dùng để thỏa mãn những nhu cầu nhất định của con người. Nhu cầu đó có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp, vật chất hay tinh thần; nhu cầu cho sản xuất hay cho tiêu dùng cá nhân. Quá trình vận động của các nhu cầu cũng tuân theo các quy luật khách quan của lịch sử: xã hội càng phát triển, dân số ngày càng tăng, thì việc thỏa mãn nhu cầu về sản phẩm tất yếu cũng ngày càng tăng lên; không chỉ đơn thuần về số lượng mà cả về chất lượng, sự thay đổi không chỉ diễn ra về mặt kết cấu của tổng sản phẩm xã hội, mà còn cả trong mỗi một đơn vị

song quan trọng hơn cả là phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới thực hiện được những sự thay đổi này.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là yêu cầu khách quan đối với những nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ sản xuất thủ công lên sản xuất cơ khí hóa, tự động hóa, là một quá trình có tính quy luật mà nội dung của nó là: thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, là đối tượng nghiên cứu của nhiều môn khoa học kinh tế khác nhau... Trong bài viết này, chúng tôi chỉ phân tích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam nhìn từ phân công lao động xã hội

Trước hết, nền xã hội bắt đầu từ sản xuất tự nhiên, tự cung, tự cấp, đặc trưng chủ yếu là lực lượng sản xuất thấp kém, công cụ lao động rất thô sơ, tư liệu lao động chỉ có ý nghĩa giống như việc nối dài cánh tay của con người, nên năng suất lao động thấp, của cải tạo ra chưa nhiều, mới chỉ đảm bảo đủ cho nhu cầu chính bản



bây giờ nó được xem xét trên cả hai mặt hiện vật và giá trị. Đặc biệt, phạm trù giá trị được nổi bật lên, nó là một quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất, giá trị trở thành phạm trù kinh tế trung tâm để lý giải tất cả các vấn đề khác trong nền kinh tế, là cơ sở để xác định về mặt kết cấu trong một đơn vị sản phẩm như: lao động quá khứ, lao động sống, lao động phức tạp, lao động giản đơn... và cũng là cơ sở để phân tích về kết cấu của tổng sản phẩm xã hội trên các lĩnh vực như: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... từ đó có kế hoạch đào tạo, phân bổ và sử dụng lực lượng lao động trong mỗi ngành, cũng như các ngành trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Lịch sử cho đến nay, chưa có hình thức sản xuất nào ưu việt hơn so với sản xuất hàng hóa. Vì vậy, xu thế vận động của các nước là chuyển sang kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Đối với nước ta, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; vận hành theo cơ chế thị trường; có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực trạng ở nước ta hiện nay, lực lượng sản xuất thấp kém, kết cấu hạ tầng vật chất lạc hậu, chỉ tính riêng ở một số doanh nghiệp nhà nước có những trang thiết bị cách đây gần 50 năm nhưng chưa được đổi mới. Về lao động và trình độ cơ khí hóa trong các doanh nghiệp trung ương có tới 54,3% ở trình độ phổ thông, 41% ở trình độ cơ khí và chỉ có 4,7% là trình độ tự động hóa. Để biến chủ trương thành hiện thực, giải quyết vấn đề này, nâng cao dần trình độ xã hội hóa sản xuất ở nước ta chỉ có thể thông qua con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sở dĩ như

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG XÃ HỘI

NGUYỄN HỮU THẢO

sản phẩm. Trên bình diện chung của xã hội, sự thay đổi đó đang diễn ra theo hướng giá trị thu nhập từ sản phẩm dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng sản phẩm xã hội; còn trong từng đơn vị sản phẩm hàm lượng về lao động quá khứ ngày càng giảm, lao động sống ngày càng tăng; đặc biệt là hàm lượng chất xám chiếm tỷ trọng ngày càng lớn ở những sản phẩm có trình độ công nghệ cao. Với những sự biến đổi trên đây về chất và lượng của giá trị hàng hóa đã đặt ra cho mọi nền sản xuất xã hội là: phải tăng trưởng kinh tế không chỉ ở chiều rộng mà cả chiều sâu; không chỉ về quy mô, mà cả về cơ cấu;

thân người sản xuất. Theo đà phát triển của lực lượng sản xuất, phân công lao động xã hội, sản xuất hàng hóa ra đời đã thay thế cho sản xuất tự nhiên, tự cung, tự cấp. Sự ra đời của sản xuất hàng hóa; một mặt đã khắc phục được những hạn chế của những nền sản xuất trước đây; mặt khác cũng đánh dấu một bước phát triển của lịch sử xã hội loài người; không chỉ về năng suất lao động, của cải được tạo ra; mà còn mang dấu ấn của một đặc trưng mới trong cách thức sản xuất; đó là sản xuất ra sản phẩm để trao đổi, mua bán. Vì vậy, nếu trước đây thước đo sản phẩm xã hội chỉ thể hiện về mặt hiện vật, thì

vậy, vì công nghiệp hóa là thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật là quá trình chuyển từ lao động thủ công sang lao động sử dụng bằng máy móc, nâng cao trình độ sức lao động của người lao động, quá trình phân công lại lao động xã hội, dựa năng suất lao động tăng lên với hiệu quả kinh tế cao trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Như trên đã phân tích, trong buổi ban đầu của lịch sử, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thấp kém, người thợ thủ công với công cụ lao động rất thô sơ, chủ yếu là lao động giản đơn, lao động cơ bắp, quá trình sản xuất mới chỉ dừng lại ở việc cải biến các đối tượng lao động có sẵn, tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu. Vì vậy, lao động hao phí trong mỗi đơn vị hàng hoá rất lớn, còn kết cấu về lượng giá trị của tổng số hàng hóa trong xã hội thì chủ yếu là lao động sống, song lao động quá khứ cũng không ít, vì tiêu tốn nhiều đối tượng lao động.

Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, làm cho động thái và cơ cấu của lực lượng sản xuất đã phát triển với tốc độ nhanh và khác về chất so với trước đây rất nhiều. Chính sự xuất hiện các phát minh sáng kiến mới là nguồn gốc, là cơ sở để tạo ra các tư liệu lao động mới. Trong đó, các công cụ lao động được chế tạo theo hướng ngày càng tự động hóa, có công năng cao, còn các tư liệu lao động dùng để chứa đựng bảo quản cũng thay đổi theo hướng ngày càng văn minh và giảm nhiều về chi phí sản xuất. Hơn thế nữa, sự bùng nổ thông tin, sự phát triển của hệ thống thông tin liên lạc, đòi hỏi kết cấu hạ tầng vật chất như: đường sá, bến bãi, điện nước, phải đi trước một bước. Chẳng hạn, dự kiến đến năm 2010 ở nước ta phải đạt tỷ lệ gia đình nông thôn được dùng lưới điện quốc gia khoảng 70%. Tất cả những vấn đề trên kéo theo một sự thay đổi rất lớn từ việc sử dụng các phương tiện thủ công trước đây phải được thay thế bằng các phương tiện hiện đại.

Sự phát triển của các tư liệu lao động đòi hỏi nguồn lao động sử dụng cũng phải thay đổi theo; nghĩa là không thể bằng lao động giản đơn, lao động cơ bắp như cũ mà phải thông qua lao động phức tạp, lao động trí óc. Xu hướng vận động chung là tỉ trọng lao động giản đơn ngày càng giảm, lao động phức tạp, lao động trí tuệ, lao động chất xám ngày càng tăng trong tổng lao động xã hội. Ở nước ta, chỉ tính riêng 46% trong số 1250 doanh nghiệp khi tổ chức lại sản xuất đã có số lao động đòi dư khoảng 35.670 người; trong đó một số doanh nghiệp có tỷ lệ đòi dư từ 20-28% nhất

là ở các ngành xây dựng, giao thông vận tải, nông, lâm trường... Do đó, cần phải có kế hoạch và quy hoạch cụ thể trong việc đào tạo đội ngũ lao động để chuyển sang các ngành nghề khác theo yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Từ sự thay đổi trong tư liệu lao động còn kéo theo sự thay đổi của đối tượng lao động. Một mặt sự phát triển của tư liệu lao động phải có các đối tượng lao động phù hợp mới có thể sử dụng được; mặt khác xuất phát từ chỗ vật liệu tự nhiên vốn bị giới hạn bởi diện tích của một quốc gia và khan hiếm không thể chỉ khai thác những cái có sẵn để sử dụng, vì nó ngày càng cạn kiệt. Các dự báo cho thấy cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, sự phát triển và tăng trưởng kinh tế không còn lợi thế thuộc các nước giàu về tài nguyên. Hơn nữa, sự phát triển của tư liệu lao động tất yếu đòi hỏi phải phát triển vật liệu nhân tạo có tính năng hơn hẳn vật liệu tự nhiên, để thay thế vật liệu tự nhiên là yêu cầu của thời đại. Chung quy lại, sự thay đổi về những tư liệu sản xuất phải có sức lao động tương ứng sử dụng mới đạt được hiệu quả kinh tế cao. Đội ngũ lao động cần phải có để sử dụng không chỉ về trình độ mà cả về kết cấu, không chỉ trong một vùng, một địa phương mà là trên phạm vi toàn xã hội, không chỉ trước mắt mà cả lâu dài. Do đó, quá trình phân công lại lao động xã hội, cũng là quá trình đào tạo một đội ngũ lao động (lao động sống nhân tố cấu thành lượng giá trị hàng hóa), có cơ cấu hợp lý, có trình độ cao trên các lĩnh vực, các ngành nghề; đặc biệt là lao động trí tuệ, chiếm một vị trí ngày càng quan trọng, và đang trở thành đặc trưng cơ bản của lao động hiện



nay. Hơn nữa, khi lực lượng sản xuất được xã hội hóa ngày càng cao, vượt ra khỏi phạm vi của một quốc gia và trở thành quốc tế thì vai trò của phân công lao động cũng phải đặt trong mối quan hệ tổng thể chung, đó là mở rộng phân công lao động quốc tế.

Công nghiệp hóa ở nước ta là tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng này đã diễn ra qua nhiều giai đoạn và chứa đựng các nội dung tương ứng gắn với mỗi giai đoạn của nó. Trong điều kiện hiện nay, quá trình thực hiện cuộc cách mạng khoa học công nghệ có thể kể đến các nội dung chủ yếu như: tự động hoá, năng lượng, vật liệu mới, công nghệ sinh học, điện tử, tin học... và mang đặc trưng nổi bật là khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, phân công lại lao động xã hội, nghĩa là chuyên môn hóa lao động, chuyên môn hóa sản xuất trong nội bộ mỗi ngành cũng như giữa các ngành, giữa các vùng trong nền kinh tế quốc dân. Phân công lao động xã hội có tác dụng rất lớn là dồn bẫy của sự phát triển công nghệ và năng suất lao động, cùng với cách mạng khoa học công nghệ nó góp phần hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý ở nước ta.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, nhìn từ phân công lao động xã hội, đòi hỏi phải có chính sách công nghệ thích hợp, có hiệu quả đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện vốn ít, nhiều lao động, thiếu việc làm, cơ cấu đội ngũ lao động không cân đối, trình độ khoa học và công nghệ còn thấp. Vì vậy, không thể ngay một lúc vừa làm cho giá trị một đơn vị hàng hóa giảm và tổng giá trị hàng hoá phù hợp với kết cấu của nhu cầu xã hội có khả năng thanh toán. Bởi lẽ, giai đoạn trước mắt chúng ta phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ khác nhau, vừa có công nghệ thủ công với tay nghề tinh xảo; vừa mở rộng máy móc thay sức lao động cơ bắp, vừa đi vào công nghệ tiên tiến hiện đại. Đặc biệt tạo được những công nghệ ít vốn, nhiều việc làm như: các công nghệ sinh học, giống, làm sạch môi trường, chế biến nông sản... hoặc chỉ một khâu hiện đại đạt năng suất cao, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị hàng hóa, còn các khâu khác có thể sử dụng nhiều lao động như thu gom, vận chuyển... Chính vì vậy, Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã chỉ rõ: "cần đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông lâm, ngư nghiệp,

gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu".

Cũng cần phải thấy rằng, quá trình công nghiệp hóa với sự tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ tất yếu dẫn đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động xã hội. Tuy nhiên, việc phân công lại lao động xã hội cũng cần phải tuân thủ theo các quá trình có tính quy luật sau đây:

Tỉ trọng và số lượng tuyệt đối lao động nông nghiệp giảm dần; tỉ trọng và số lượng tuyệt đối lao động công nghiệp ngày một tăng lên. Ở nước ta, dự kiến đến năm 2000 tỉ trọng các ngành công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34-35%; nông, lâm, ngư nghiệp 19-20%; dịch vụ 45-46% trong GDP. Tính quy luật này đang là một thách thức rất lớn trong điều kiện hiện nay, nhất là việc chuyển dịch lực lượng lao động, tạo công ăn, việc làm, khi mà tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng tăng; đặc biệt ở thành thị cho đến cuối năm 1997 đầu năm 1998 đã lên đến 6,01%, thậm chí 7 hoặc 8% ở một số thành phố lớn; 27,65% lao động nông thôn thiếu việc làm.

Tính quy luật trong kết cấu giá trị sản phẩm, là tỉ trọng lao động trí tuệ ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động giản đơn trong tổng lao động xã hội. Thực trạng ở nước ta hiện nay mới chỉ có khoảng 16% lao động có qua đào tạo. Các tỉ lệ về thợ kỹ thuật, kỹ thuật viên chỉ bằng 1/6 đến 1/7 so với các nước công nghiệp. Đặc điểm đội ngũ lao động kỹ thuật vừa yếu, vừa thiếu, vừa lệch về cơ cấu, vừa phân bố không đều. Đây cũng là yêu cầu cấp bách trong quá trình đào tạo một đội ngũ lao động có cơ cấu phù hợp và phân công lao động ở nước ta kể cả trước mắt cũng như lâu dài.

Tốc độ tăng lao động trong các ngành phi sản xuất vật chất (dịch vụ) tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các ngành sản xuất vật chất. Vấn đề này ở các nước phát triển, dự báo đến năm 2000 phân công lao động xã hội ở các khu vực kinh tế vận động theo xu hướng như sau: 1,5% lao động làm trong các ngành sản xuất công-nông nghiệp; 2% lao động làm việc trong các ngành sản xuất công nghiệp; trên 60% lao động trong các ngành tin học, tự động, quản lý; 30% lao động làm trong các ngành dịch vụ khác.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, còn phải xuất phát từ quy luật phát triển không đều, mỗi nước có lợi thế riêng, có những sản phẩm nổi tiếng do một nước nào đó đứng tên; nhưng là sản phẩm của nhiều công ty, nhiều nước sản xuất, mỗi nước chỉ tạo ra một chi tiết trong kết

cấu giá trị sản phẩm. Do đó, dựa vào lợi thế mà đi vào chuyên môn hóa sản xuất, phân công lao động xã hội, đào tạo đội ngũ lao động để sử dụng được những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, tham gia tích cực trong hệ thống phân công lao động quốc tế.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện mục tiêu trên, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam; nhìn từ phân công lao động xã hội; chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề cần giải quyết sau đây:

Một là: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta chính là quá trình thay đổi trình độ kỹ thuật hay công nghệ của sản xuất. Điều này, đòi hỏi tất yếu việc phân công lao động xã hội phải tuân thủ các quá trình có tính quy luật như đã phân tích ở trên. Đặc biệt, sự phân công lại lao động xã hội cần triển khai trên cả hai địa bàn: tại chỗ và nơi khác, để phát triển kinh tế cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Phải lựa chọn các công nghệ thích hợp, tính toán sao cho sử dụng được nhiều lao động nhất với chi phí thấp nhất. Có kế hoạch phân bố hợp lý việc phát triển kinh tế, phát triển xã hội, để sử dụng một cách tốt nhất lực lượng lao động tại chỗ tránh "dòng chảy" lao động từ nông thôn ra thành thị, từng bước đô thị hóa nông thôn.

Hai là: Khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng đa dạng của nền kinh tế phát huy nội lực, nhất là nguồn lao động ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII đã chỉ rõ: phần đầu năm 1998 giải quyết thêm việc làm cho 1,3 đến 1,5 triệu lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng quỹ thời gian lao động ở nông thôn được sử dụng lên 73,6% và đến năm 2000 được tăng lên 75%. Muốn vậy, đòi hỏi phải phát triển toàn diện các ngành: nông, lâm, ngư nghiệp; hình thành các vùng tập trung chuyên canh; phát triển công nghiệp chế biến, phát triển các ngành nghề truyền thống, thủ công nghiệp... nhằm thu hút lao động, phân bố và sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn lao động ở nước ta. Mở rộng xuất khẩu lao động trên thị trường đã có và thị trường mới; phần đầu đến năm 2000 đưa khoảng 150.000 lao động đi làm việc ở các nước, đảm bảo thường xuyên có

khoảng 400.000-500.000 lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

Ba là: Đào tạo đội ngũ lao động theo yêu cầu của công nghiệp hóa hiện đại hóa. Thực trạng này Hội nghị TW 2 về công tác giáo dục đã nhận định: "Giáo dục chuyên nghiệp, nhất là đào tạo công nhân kỹ thuật có lúc suy giảm mạnh, mất cân đối lớn về cơ cấu trình độ trong đội ngũ lao động ở nhiều ngành sản xuất. Quy mô đào tạo hiện nay quá nhỏ bé, trình độ thiết bị lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa." Do đó, trong mục tiêu phát triển phải đưa tỷ lệ đào tạo lên 22-25% vào năm 2000. Như vậy từ nay đến năm 2000 phải đào tạo khoảng 4,5 triệu lao động. Phải nâng cao chất lượng lao động, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đầu tư xây dựng một số trường chính quy hoặc trung tâm đào tạo nghề trình độ cao cấp vùng... Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bốn là: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách của nhà nước về giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình giáo dục đào tạo. Chính sách sử dụng lực lượng lao động, hợp đồng lao động. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế và chính sách đồng bộ cho phát triển khoa học công nghệ; tạo môi trường thuận lợi, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu, đề cao trách nhiệm của người lao động, chăm lo điều kiện làm việc, lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động, người tài được trọng dụng, không phải đi làm những ngành nghề không phù hợp để mưu sinh; sử dụng một cách có hiệu quả nguồn lao động ở nước ta hiện nay.

Trên đây, là những suy nghĩ của chúng tôi về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam nhìn từ phân công lao động xã hội. Là một vấn đề rất rộng, là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học khác nhau. Song chung quy lại, tiếp cận về công nghiệp hóa dưới góc độ phân công lao động xã hội, chính là phát huy năng lực nội sinh là phát triển nguồn nhân lực, tổ chức, phân công, sử dụng tốt nguồn lao động, nhân tố quan trọng cấu thành sản phẩm xã hội nhằm tạo ra năng suất và hiệu quả kinh tế cao; để thực hiện mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh" trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.